TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 207/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 8 – 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi.

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 409/2023/TLST - HNGĐ ngày 28/6/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thu T, sinh năm 1994; Địa chỉ: số 209C, đường Lý Văn L, khóm 6, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1992; Địa chỉ: số 293, đường Tạ U, khóm 4, phườngB9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ chung sống với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 6 năm 2020, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cự cải với nhau, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh Đ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Đối với anh Đ cũng thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu

thuẫn và thời gian sống ly thân là đúng, nhưng hiện anh vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ khai có 01 người con tên Nguyễn Phương Doanh, sinh ngày 19/5/2020. Hiện đang chung sống với chị T nên khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Riêng anh Đ xác định nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ khai không có.

Đối với anh Nguyễn Hoài Đ, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Nguyễn Hoài Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có ý kiến không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị T nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến trước ngày mở phiên tòa xét xử, anh Đ không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do nên không có căn cứ để nhận định anh Đ thật sự mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hơn nữa, tại phiên xử chị T cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết không cho chị ly hôn, chị vẫn không trở về chung sống cùng anh Đ. Do đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ khai có 01 người con tên Nguyễn Phương Doanh, sinh ngày 19/5/2020. Hiện đang chung sống với chị T. Khi ly hôn, anh Đ và chị T thỏa thuận thống nhất giao con cho chị T nuôi và không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa anh Đ cùng chị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật. Hơn nữa, cháu Doanh hiện còn bé lại là nữ giới

nên rất cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, tuy Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T biết việc cấp dưỡng nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con, đảm bảo cho cuộc sống của con được đầy đủ, tốt hơn và thể hiện được trách nhiệm, tình thương của người làm cha, làm mẹ đối với con cái nhưng chị T cho rằng chị đủ điều kiện chăm lo cuộc sống của con nên không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, việc thỏa thuận nêu trên của anh, chị được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thu T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hoài Đ.

- Về con chung là Nguyễn Phương Doanh, sinh ngày 19/5/2020. Hiện đang chung sống với chị Hồ Thu T nên khi ly hôn, tiếp tục giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Hoài Đ có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Hồ Thu T và anh Nguyễn Hoài Đ khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Hồ Thu T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 27/6/2023, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002327 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường A, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân